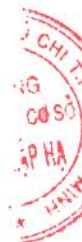


**KINH PHÍ CẤP BÙ HỌC PHÍ DO GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021-2022 (THÁNG 10/2021)**

Theo Nghị Quyết số 17/2021/HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 Hội đồng nhân dân TP Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 287/QĐ-THCSTLH, ngày 07/10/2022
của Hiệu trưởng Trường THCS Trung Lập Hạ)

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn Khanh	6A1	30.000	1	30.000	
2	Nguyễn Sĩ Bình	6A1	30.000	1	30.000	
3	Trần Văn Cao	6A1	30.000	1	30.000	
4	Võ Thành Danh	6A1	30.000	1	30.000	
5	Trần Gia Hân	6A1	30.000	1	30.000	
6	Huỳnh Gia Huy	6A1	30.000	1	30.000	
7	Nguyễn Gia Huy	6A1	30.000	1	30.000	
8	Ngô Tuấn Khang	6A1	30.000	1	30.000	
9	Trần Thy Mỹ Khanh	6A1	30.000	1	30.000	
10	Lê Văn Kiên	6A1	30.000	1	30.000	
11	Lê Thị Trúc Ly	6A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Phạm Xuân Mai	6A1	30.000	1	30.000	
13	Bùi Công Mẫn	6A1	30.000	1	30.000	
14	Phạm Thị Trà My	6A1	30.000	1	30.000	
15	Danh Nguyễn Thanh Ngọc	6A1	30.000	1	30.000	
16	Hoàng Bảo Ngọc	6A1	30.000	1	30.000	
17	Lê Thị Yến Nhi	6A1	30.000	1	30.000	
18	Tô Văn Phúc	6A1	30.000	1	30.000	
19	Phan Trung Sơn	6A1	30.000	1	30.000	
20	Võ Văn Tài	6A1	30.000	1	30.000	
21	Lê Mộng Thi	6A1	30.000	1	30.000	
22	Nguyễn Bảo Thiên	6A1	30.000	1	30.000	
23	Lâm Đức Thiện	6A1	30.000	1	30.000	
24	Nguyễn Ngọc Thuận	6A1	30.000	1	30.000	
25	Nguyễn Thị Kim Thùy	6A1	30.000	1	30.000	
26	Đặng Hoàng Anh Thư	6A1	30.000	1	30.000	
27	Nguyễn Thanh Hoài Thương	6A1	30.000	1	30.000	
28	Phan Văn Toàn	6A1	30.000	1	30.000	
29	Dương Lê Bảo Trân	6A1	30.000	1	30.000	
30	Dương Phi Trường	6A1	30.000	1	30.000	
31	Trần Quốc Tuấn	6A1	30.000	1	30.000	
32	Ngô Phương Uyên	6A1	30.000	1	30.000	
33	Võ Tú Uyên	6A1	30.000	1	30.000	
34	Trần Như Ý	6A1	30.000	1	30.000	
35	Võ Phúc Thiện	6A1	30.000	1	30.000	
36	Nguyễn Tuấn Anh	6A2	30.000	1	30.000	
37	Tô Thế Đạt	6A2	30.000	1	30.000	
38	Phan Nguyễn Quốc Hào	6A2	30.000	1	30.000	
39	Dương Gia Hân	6A2	30.000	1	30.000	
40	Nguyễn Văn Hậu	6A2	30.000	1	30.000	
41	Nguyễn Hồ Nhật Huy	6A2	30.000	1	30.000	
42	Lê Trọng Khiêm	6A2	30.000	1	30.000	



STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
43	Nguyễn Nhật Anh Khoa	6A2	30.000	1	30.000	
44	Trần Gia Lạc	6A2	30.000	1	30.000	
45	Trịnh Hoàng Lâm	6A2	30.000	1	30.000	
46	Đặng Trúc Linh	6A2	30.000	1	30.000	
47	Ngô Thùy Linh	6A2	30.000	1	30.000	
48	Trương Trần Hải My	6A2	30.000	1	30.000	
49	Tổng Ngọc Bảo Nam	6A2	30.000	1	30.000	
50	Nguyễn Thị Kim Ngân	6A2	30.000	1	30.000	
51	Nguyễn Hồng Ngọc	6A2	30.000	1	30.000	
52	Nguyễn Thiên Ngọc	6A2	30.000	1	30.000	
53	Cao Trọng Nhân	6A2	30.000	1	30.000	
54	Hồ Phạm Quỳnh Như	6A2	30.000	1	30.000	
55	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	6A2	30.000	1	30.000	
56	Nguyễn Minh Phát	6A2	30.000	1	30.000	
57	Nguyễn Thanh Phương	6A2	30.000	1	30.000	
58	Lê Minh Tâm	6A2	30.000	1	30.000	
59	Nguyễn Phương Thùy	6A2	30.000	1	30.000	
60	Vũ Ngọc Anh Thy	6A2	30.000	1	30.000	
61	Nguyễn Bùi Mỹ Tiên	6A2	30.000	1	30.000	
62	Huỳnh Minh Tiến	6A2	30.000	1	30.000	
63	Nguyễn Thị Ánh Trúc	6A2	30.000	1	30.000	
64	Cao Cẩm Tú	6A2	30.000	1	30.000	
65	Phan Võ Cẩm Vân	6A2	30.000	1	30.000	
66	Hoàng Thị Thảo Vy	6A2	30.000	1	30.000	
67	Nguyễn Thanh Như Ý	6A2	30.000	1	30.000	
68	Trần Phạm Minh Trương	6A2	30.000	1	30.000	
69	Nguyễn Mai Lan Anh	6A2	30.000	1	30.000	
70	Nguyễn Tuấn Anh	6A3	30.000	1	30.000	
71	Võ Nguyễn Quốc Anh	6A3	30.000	1	30.000	
72	Phan Tuấn Dũng	6A3	30.000	1	30.000	
73	Nguyễn Hồng Đào	6A3	30.000	1	30.000	
74	Lê Quốc Đạt	6A3	30.000	1	30.000	
75	Nguyễn Hoàng Đô	6A3	30.000	1	30.000	
76	Nguyễn Văn Hải	6A3	30.000	1	30.000	
77	Nguyễn Lê Huy Hoàng	6A3	30.000	1	30.000	
78	Võ Lê Anh Khoa	6A3	30.000	1	30.000	
79	Phạm Thị Tuyết Lan	6A3	30.000	1	30.000	
80	Bùi Tấn Lượng	6A3	30.000	1	30.000	
81	Phùng Quang Mạnh	6A3	30.000	1	30.000	
82	Hồ Duy Mạnh	6A3	30.000	1	30.000	
83	Thái Vũ Na	6A3	30.000	1	30.000	
84	Huỳnh Cẩm Ngân	6A3	30.000	1	30.000	
85	Đặng Vũ Hiếu Nghĩa	6A3	30.000	1	30.000	
86	Trần Hồng Ngọc	6A3	30.000	1	30.000	
87	Nguyễn Lê Nguyên	6A3	30.000	1	30.000	
88	Lê Hoàng Oanh	6A3	30.000	1	30.000	
89	Lương Hoàng Phát	6A3	30.000	1	30.000	
90	Trần Tuấn Phát	6A3	30.000	1	30.000	
91	Nguyễn Thị Như Quỳnh	6A3	30.000	1	30.000	
92	Nguyễn Đức Tài	6A3	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
93	Huỳnh Phạm Phương Thảo	6A3	30.000	1	30.000	
94	Hà Tấn Thịnh	6A3	30.000	1	30.000	
95	Nguyễn Quốc Thịnh	6A3	30.000	1	30.000	
96	Phan Cao Toàn	6A3	30.000	1	30.000	
97	Nguyễn Bình Phương Trà	6A3	30.000	1	30.000	
98	Phùng Mai Trang	6A3	30.000	1	30.000	
99	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	6A3	30.000	1	30.000	
100	Bùi Minh Trọng	6A3	30.000	1	30.000	
101	Trần Bảo Trúc	6A3	30.000	1	30.000	
102	Võ Thị Thảo Vy	6A3	30.000	1	30.000	
103	Nguyễn Lê Như Ý	6A3	30.000	1	30.000	
104	Tạ Kim Yên	6A3	30.000	1	30.000	
105	Huỳnh Thị Trâm Anh	6A4	30.000	1	30.000	
106	Huỳnh Trần Gia Bảo	6A4	30.000	1	30.000	
107	Bùi Kim Dũng	6A4	30.000	1	30.000	
108	Nguyễn Tấn Duy	6A4	30.000	1	30.000	
109	Phan Bảo Duy	6A4	30.000	1	30.000	
110	Trần Tấn Dương	6A4	30.000	1	30.000	
111	Nguyễn Bảo Đăng	6A4	30.000	1	30.000	
112	Phạm Minh Đức	6A4	30.000	1	30.000	
113	Võ Nguyễn Gia Hân	6A4	30.000	1	30.000	
114	Trần Thanh Hiền	6A4	30.000	1	30.000	
115	Nguyễn Hoài Hoàng	6A4	30.000	1	30.000	
116	Cao Gia Huy	6A4	30.000	1	30.000	
117	Nguyễn Bảo Huy	6A4	30.000	1	30.000	
118	Nguyễn Phúc Khang	6A4	30.000	1	30.000	
119	Trương Quang Kiệt	6A4	30.000	1	30.000	
120	Phạm Phương Linh	6A4	30.000	1	30.000	
121	Nguyễn Hoàng Phi Long	6A4	30.000	1	30.000	
122	Bùi Thị Trúc Ly	6A4	30.000	1	30.000	
123	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	6A4	30.000	1	30.000	
124	Trần Nguyễn Bảo Nghi	6A4	30.000	1	30.000	
125	Nguyễn Quốc Nguyên	6A4	30.000	1	30.000	
126	Lê Trần Phương Nhi	6A4	30.000	1	30.000	
127	Cao Huỳnh Yên Như	6A4	30.000	1	30.000	
128	Trần Tuấn Tài	6A4	30.000	1	30.000	
129	Nguyễn Đăng Minh Tâm	6A4	30.000	1	30.000	
130	Lê Thị Phương Thảo	6A4	30.000	1	30.000	
131	Nguyễn Chí Thiện	6A4	30.000	1	30.000	
132	Nguyễn Hoài Thương	6A4	30.000	1	30.000	
133	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	6A4	30.000	1	30.000	
134	Phạm Thị Thanh Trúc	6A4	30.000	1	30.000	
135	Thạch Minh Tuấn	6A4	30.000	1	30.000	
136	Võ Đăng Anh Ứng	6A4	30.000	1	30.000	
137	Cao Kiều Ý	6A4	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 6 (137 hs)				4.110.000	
1	Huỳnh Thị Thảo Anh	7A1	30.000	1	30.000	
2	Phạm Trâm Anh	7A1	30.000	1	30.000	
3	Phan Bảo Anh	7A1	30.000	1	30.000	
4	Phạm Quỳnh Anh	7A1	30.000	1	30.000	



STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
5	Trần Thị Kim Anh	7A1	30.000	1	30.000	
6	Trương Lê Phương Anh	7A1	30.000	1	30.000	
7	Bùi Xuân Bắc	7A1	30.000	1	30.000	
8	Nguyễn Quốc Đăng	7A1	30.000	1	30.000	
9	Bùi Nguyễn Đức Hậu	7A1	30.000	1	30.000	
10	Nguyễn Duy Khang	7A1	30.000	1	30.000	
11	Cao Gia Khánh	7A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Gia Khiêm	7A1	30.000	1	30.000	
13	Phạm Nguyễn Đăng Khiêm	7A1	30.000	1	30.000	
14	Hồ Đăng Khôi	7A1	30.000	1	30.000	
15	Võ Trung Kiên	7A1	30.000	1	30.000	
16	Phan Thị Ngọc Kim	7A1	30.000	1	30.000	
17	Đặng Hoàng Lan	7A1	30.000	1	30.000	
18	Lê Ngọc Thùy Linh	7A1	30.000	1	30.000	
19	Lưu Khánh Linh	7A1	30.000	1	30.000	
20	Phạm Phú Lộc	7A1	30.000	1	30.000	
21	Nguyễn Hoa Thiên Lý	7A1	30.000	1	30.000	
22	Trần Hà Mi	7A1	30.000	1	30.000	
23	Hồ Thanh Minh	7A1	30.000	1	30.000	
24	Nguyễn Hoàng Khải Minh	7A1	30.000	1	30.000	
25	Nguyễn Khoa Nam	7A1	30.000	1	30.000	
26	Phạm Thị Tuyết Ngân	7A1	30.000	1	30.000	
27	Bùi Lê Bảo Ngọc	7A1	30.000	1	30.000	
28	Nguyễn Bảo Ngọc	7A1	30.000	1	30.000	
29	Nguyễn Lê Yến Ny	7A1	30.000	1	30.000	
30	Lê Nguyễn Tấn Phát	7A1	30.000	1	30.000	
31	Nguyễn Kim Phụng	7A1	30.000	1	30.000	
32	Trần Thanh Sơn	7A1	30.000	1	30.000	
33	Lê Văn Tài	7A1	30.000	1	30.000	
34	Hỷ Hoàng Thanh Thảo	7A1	30.000	1	30.000	
35	Nguyễn Minh Thắng	7A1	30.000	1	30.000	
36	Đặng Thị Mỹ Tú	7A1	30.000	1	30.000	
37	Đỗ Quốc Tuấn	7A1	30.000	1	30.000	
38	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	7A1	30.000	1	30.000	
39	Võ Bình Vĩ	7A1	30.000	1	30.000	
40	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	7A1	30.000	1	30.000	
41	Nguyễn Trúc Vy	7A1	30.000	1	30.000	
42	Nguyễn Thị Như Ý	7A1	30.000	1	30.000	
43	Bùi Thị Mai Ngà	7A1	30.000	1	30.000	
44	Trần Phạm Hoàng Phương Anh	7A1	30.000	1	30.000	
45	Nguyễn Đoàn Việt Ái	7A2	30.000	1	30.000	
46	Lê Quốc Anh	7A2	30.000	1	30.000	
47	Nguyễn Lê Minh Anh	7A2	30.000	1	30.000	
48	Phan Viết Anh	7A2	30.000	1	30.000	
49	Quách Thành Anh	7A2	30.000	1	30.000	
50	Trần Ngọc Trâm Anh	7A2	30.000	1	30.000	
51	Lê Bảo Châu	7A2	30.000	1	30.000	
52	Dương Phi Cơ	7A2	30.000	1	30.000	
53	Nguyễn Quang Dũng	7A2	30.000	1	30.000	
54	Ngô Mỹ Duyên	7A2	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
55	Lữ Nhật Hào	7A2	30.000	1	30.000	
56	Đường Thị Gia Hân	7A2	30.000	1	30.000	
57	Phạm Gia Hân	7A2	30.000	1	30.000	
58	Dương Khắc Huy	7A2	30.000	1	30.000	
59	Võ Hoàng Duy Kha	7A2	30.000	1	30.000	
60	Phạm Gia Khiêm	7A2	30.000	1	30.000	
61	Nguyễn Huỳnh Anh Kiệt	7A2	30.000	1	30.000	
62	Quách Nam Kỳ	7A2	30.000	1	30.000	
63	Phan Đỗ Xuân Lan	7A2	30.000	1	30.000	
64	Đặng Ngọc Hà My	7A2	30.000	1	30.000	
65	Lê Nhật Nam	7A2	30.000	1	30.000	
66	Nguyễn Ngọc Ngân	7A2	30.000	1	30.000	
67	Đỗ Xuân Nghi	7A2	30.000	1	30.000	
68	Trần Bảo Nghi	7A2	30.000	1	30.000	
69	Lê Nguyễn Kim Ngọc	7A2	30.000	1	30.000	
70	Võ Thị Ngọc	7A2	30.000	1	30.000	
71	Đinh Thiện Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
72	Mai Hữu Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
73	Trần Trọng Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
74	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7A2	30.000	1	30.000	
75	Phạm Tâm Như	7A2	30.000	1	30.000	
76	Võ Phan Ngọc Như	7A2	30.000	1	30.000	
77	Lê Nguyễn Phú	7A2	30.000	1	30.000	
78	Đoàn Phương Quyên	7A2	30.000	1	30.000	
79	Phạm Thị Thanh Thảo	7A2	30.000	1	30.000	
80	Wang Truyền Thắng	7A2	30.000	1	30.000	
81	Trần Minh Thuận	7A2	30.000	1	30.000	
82	Nguyễn Phạm Thanh Thúy	7A2	30.000	1	30.000	
83	Nguyễn Ngọc Trinh	7A2	30.000	1	30.000	
84	Phạm Thành Trung	7A2	30.000	1	30.000	
85	Hoàng Thị Hồng Vân	7A2	30.000	1	30.000	
86	Võ Phương Vy	7A2	30.000	1	30.000	
87	Võ Thanh Vy	7A2	30.000	1	30.000	
88	Nguyễn Ánh Minh Xuân	7A2	30.000	1	30.000	
89	Đỗ Lê Hoàng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
90	Đỗ Lê Hồng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
91	Hà Phương Anh	7A3	30.000	1	30.000	
92	Trần Hồ Hoàng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
93	Trần Ngọc Thùy Anh	7A3	30.000	1	30.000	
94	Vũ Thị Lan Anh	7A3	30.000	1	30.000	
95	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7A3	30.000	1	30.000	
96	Trần Thị Khánh Băng	7A3	30.000	1	30.000	
97	Trần Cao Lê Dũng	7A3	30.000	1	30.000	
98	Lê Tiên Đạt	7A3	30.000	1	30.000	
99	Trần Nguyễn Hoàng Hải	7A3	30.000	1	30.000	
100	Lê Đình Quang Hiền	7A3	30.000	1	30.000	
101	Lê Huỳnh Khánh Huy	7A3	30.000	1	30.000	
102	Bùi Trần Đăng Khoa	7A3	30.000	1	30.000	
103	Trần Nhật Khoa	7A3	30.000	1	30.000	
104	Nguyễn Anh Khôi	7A3	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
105	Trần Phạm Đăng Khôi	7A3	30.000	1	30.000	
106	Hồ Đăng Khương	7A3	30.000	1	30.000	
107	Nguyễn Lê Hà Mi	7A3	30.000	1	30.000	
108	Nguyễn Nhật Minh	7A3	30.000	1	30.000	
109	Nguyễn Trần Tiến Minh	7A3	30.000	1	30.000	
110	Phạm Thị Kiều My	7A3	30.000	1	30.000	
111	Phạm Thị Tuyết Ngân	7A3	30.000	1	30.000	
112	Nguyễn Lê Minh Ngọc	7A3	30.000	1	30.000	
113	Phạm Nguyễn Khánh Ngọc	7A3	30.000	1	30.000	
114	Nguyễn Huỳnh Thanh Nhã	7A3	30.000	1	30.000	
115	Nguyễn Lê Tuyết Nhi	7A3	30.000	1	30.000	
116	Nguyễn Bảo Như	7A3	30.000	1	30.000	
117	Mã Đại Quang	7A3	30.000	1	30.000	
118	Nguyễn Thị Nhã Quyên	7A3	30.000	1	30.000	
119	Trần Lê Quỳnh	7A3	30.000	1	30.000	
120	Nguyễn Diệp Thanh	7A3	30.000	1	30.000	
121	Nguyễn Minh Thành	7A3	30.000	1	30.000	
122	Nguyễn Văn Thoại	7A3	30.000	1	30.000	
123	Nguyễn Thị Minh Thư	7A3	30.000	1	30.000	
124	Dương Thị Thủy Tiên	7A3	30.000	1	30.000	
125	Huỳnh Nguyễn Thủy Tiên	7A3	30.000	1	30.000	
126	Nguyễn Hoàng Minh Tiến	7A3	30.000	1	30.000	
127	Lê Phạm Ngọc Trâm	7A3	30.000	1	30.000	
128	Võ Nguyễn Huyền Trân	7A3	30.000	1	30.000	
129	Vũ Thiên Tú	7A3	30.000	1	30.000	
130	Cao Thành Đạt	7A3	30.000	1	30.000	
131	Huỳnh Tuấn Anh	7A4	30.000	1	30.000	
132	Nguyễn Trần Phương Anh	7A4	30.000	1	30.000	
133	Phạm Ngọc Anh	7A4	30.000	1	30.000	
134	Trần Thanh Bình	7A4	30.000	1	30.000	
135	Đỗ Thành Công	7A4	30.000	1	30.000	
136	Đoàn Minh Duy	7A4	30.000	1	30.000	
137	Hà Bảo Duy	7A4	30.000	1	30.000	
138	Võ Trần Hoàng Duy	7A4	30.000	1	30.000	
139	Nguyễn Phúc Đạt	7A4	30.000	1	30.000	
140	Quách Thị Tâm Đoan	7A4	30.000	1	30.000	
141	Võ Chí Hiếu	7A4	30.000	1	30.000	
142	Trần Đăng Khoa	7A4	30.000	1	30.000	
143	Lê Hoài Anh Khôi	7A4	30.000	1	30.000	
144	Lê Anh Kiệt	7A4	30.000	1	30.000	
145	Huỳnh Ngọc Tường Lam	7A4	30.000	1	30.000	
146	Trần Quốc Liễu	7A4	30.000	1	30.000	
147	Lê Hoàng Khánh Linh	7A4	30.000	1	30.000	
148	Phạm Hoàng Long	7A4	30.000	1	30.000	
149	Trần Hiền Mai	7A4	30.000	1	30.000	
150	Ngô Thị Trà My	7A4	30.000	1	30.000	
151	Trần Lê Hải Nam	7A4	30.000	1	30.000	
152	Nguyễn Thúy Nga	7A4	30.000	1	30.000	
153	Bùi Phương Nghi	7A4	30.000	1	30.000	
154	Trần Đoàn Phương Nghi	7A4	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
155	Trần Huỳnh Thảo Ngọc	7A4	30.000	1	30.000	
156	Bùi Lê Trọng Nhân	7A4	30.000	1	30.000	
157	Trần Minh Nhật	7A4	30.000	1	30.000	
158	Lê Đức Phát	7A4	30.000	1	30.000	
159	Kiên Thị Hồng Phúc	7A4	30.000	1	30.000	
160	Nguyễn Đông Quân	7A4	30.000	1	30.000	
161	Lê Thị Ngọc Quyền	7A4	30.000	1	30.000	
162	Huỳnh Văn Tài	7A4	30.000	1	30.000	
163	Trần Thị Thanh Thảo	7A4	30.000	1	30.000	
164	Lê Đức Thịnh	7A4	30.000	1	30.000	
165	Đoàn Trung Tiến	7A4	30.000	1	30.000	
166	Nguyễn Hoàng Thiên Toàn	7A4	30.000	1	30.000	
167	Nguyễn Ngọc Thảo Trâm	7A4	30.000	1	30.000	
168	Lê Minh Trí	7A4	30.000	1	30.000	
169	Lê Phan Minh Triết	7A4	30.000	1	30.000	
170	Lê Nguyễn Thảo Vy	7A4	30.000	1	30.000	
171	Lê Võ Phương Vy	7A4	30.000	1	30.000	
172	Nguyễn Diệp Tường Vy	7A4	30.000	1	30.000	
173	Nguyễn Trần Tường Vy	7A4	30.000	1	30.000	
174	Hồ Hải Yến	7A4	30.000	1	30.000	
175	Dương Văn Như Thanh	7A4	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 7 (175 hs)				5.250.000	
1	Dương Ngọc Thúy An	8A1	30.000	1	30.000	
2	Nguyễn Hoài Anh	8A1	30.000	1	30.000	
3	Cao Quốc Bảo	8A1	30.000	1	30.000	
4	Chu Thái Bảo	8A1	30.000	1	30.000	
5	Ngô Văn Bình	8A1	30.000	1	30.000	
6	Bùi Thị Mỹ Diệu	8A1	30.000	1	30.000	
7	Phạm Chí Dũng	8A1	30.000	1	30.000	
8	Nguyễn Thành Đạt	8A1	30.000	1	30.000	
9	Trần Mạnh Đạt	8A1	30.000	1	30.000	
10	Nguyễn Hương Giang	8A1	30.000	1	30.000	
11	Lê Nhựt Hào	8A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Bình Phương Hạo	8A1	30.000	1	30.000	
13	Trần Duy Hiếu	8A1	30.000	1	30.000	
14	Nguyễn Mỹ Hoàng	8A1	30.000	1	30.000	
15	Trần Thị Cẩm Hồng	8A1	30.000	1	30.000	
16	Thái Huỳnh Quốc Khang	8A1	30.000	1	30.000	
17	Dương Gia Kiệt	8A1	30.000	1	30.000	
18	Võ Nguyễn Anh Kiệt	8A1	30.000	1	30.000	
19	Trịnh Ngọc Linh	8A1	30.000	1	30.000	
20	Giáp Anh Mỹ	8A1	30.000	1	30.000	
21	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
22	Nguyễn Thị Yến Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
23	Nguyễn Tuyết Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
24	Nguyễn Huỳnh Ninh	8A1	30.000	1	30.000	
25	Trần Hoàng Phúc	8A1	30.000	1	30.000	
26	Trần Thanh Phúc	8A1	30.000	1	30.000	
27	Trần Nguyễn Minh Quân	8A1	30.000	1	30.000	
28	Trần Đình Quốc	8A1	30.000	1	30.000	

10/10/2024

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
29	Phạm Thị Yến Quỳnh	8A1	30.000	1	30.000	
30	Nguyễn Trương Tấn Sang	8A1	30.000	1	30.000	
31	Nguyễn Tấn Tài	8A1	30.000	1	30.000	
32	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	8A1	30.000	1	30.000	
33	Phạm Thị Xuân Thùy	8A1	30.000	1	30.000	
34	Lại Nguyễn Ngọc Thùy	8A1	30.000	1	30.000	
35	Huỳnh Anh Thư	8A1	30.000	1	30.000	
36	Trần Ngọc Anh Thư	8A1	30.000	1	30.000	
37	Thái Nhật Tính	8A1	30.000	1	30.000	
38	Lê Ngọc Phương Trang	8A1	30.000	1	30.000	
39	Nguyễn Tuấn Tú	8A1	30.000	1	30.000	
40	Nguyễn Phúc Vĩnh Tuệ	8A1	30.000	1	30.000	
41	Nguyễn Ái Vi	8A1	30.000	1	30.000	
42	Nguyễn Ngọc Yến Vy	8A1	30.000	1	30.000	
43	Trần Nguyễn Yến Vy	8A1	30.000	1	30.000	
44	Nguyễn Ngọc Kim Xuân	8A1	30.000	1	30.000	
45	Đào Huỳnh Trâm Anh	8A2	30.000	1	30.000	
46	Nguyễn Thị Kim Anh	8A2	30.000	1	30.000	
47	Tô Hữu Bằng	8A2	30.000	1	30.000	
48	Nguyễn Quốc Bình	8A2	30.000	1	30.000	
49	Ngô Tăng Phương Du	8A2	30.000	1	30.000	
50	Huỳnh Trung Dũng	8A2	30.000	1	30.000	
51	Trịnh Võ Đức Duy	8A2	30.000	1	30.000	
52	Nguyễn Duy Đăng	8A2	30.000	1	30.000	
53	Nguyễn Thành Đạt	8A2	30.000	1	30.000	
54	Nguyễn Hoàng Phi Hùng	8A2	30.000	1	30.000	
55	Bùi Gia Huy	8A2	30.000	1	30.000	
56	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	8A2	30.000	1	30.000	
57	Văn Khiết Hữu	8A2	30.000	1	30.000	
58	Nguyễn Gia Khiêm	8A2	30.000	1	30.000	
59	Võ Anh Kiệt	8A2	30.000	1	30.000	
60	Dương Lê Trúc Ly	8A2	30.000	1	30.000	
61	Lê Nhật Nam	8A2	30.000	1	30.000	
62	Đào Nguyễn Kim Ngân	8A2	30.000	1	30.000	
63	Lê Thị Tuyết Ngân	8A2	30.000	1	30.000	
64	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	8A2	30.000	1	30.000	
65	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	8A2	30.000	1	30.000	
66	Trần Long Nhựt	8A2	30.000	1	30.000	
67	Phạm Tấn Phát	8A2	30.000	1	30.000	
68	Nguyễn Châu Thanh Phụng	8A2	30.000	1	30.000	
69	Nguyễn Lê Uyên Phương	8A2	30.000	1	30.000	
70	Lê Thị Thanh Quế	8A2	30.000	1	30.000	
71	Bùi Văn Quý	8A2	30.000	1	30.000	
72	Nguyễn Hoàng Sang	8A2	30.000	1	30.000	
73	Trần Đức Tài	8A2	30.000	1	30.000	
74	Lâm Quốc Thái	8A2	30.000	1	30.000	
75	Lê Văn Phương Thảo	8A2	30.000	1	30.000	
76	Lê Ngọc Anh Thư	8A2	30.000	1	30.000	
77	Võ Anh Thư	8A2	30.000	1	30.000	
78	Phạm Thị Bảo Thy	8A2	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
79	Trần Nguyễn Thị Bảo Thy	8A2	30.000	1	30.000	
80	Trần Trung Tín	8A2	30.000	1	30.000	
81	Bùi Thị Yên Trang	8A2	30.000	1	30.000	
82	Bùi Nguyễn Anh Trí	8A2	30.000	1	30.000	
83	Nguyễn Đoàn Trinh	8A2	30.000	1	30.000	
84	Cao Anh Tuấn	8A2	30.000	1	30.000	
85	Đinh Lê Khánh Vy	8A2	30.000	1	30.000	
86	Lý Trần Thảo Vy	8A2	30.000	1	30.000	
87	TRẦN KHA VINH	8A2	30.000	1	30.000	
88	Đoàn Thị Thúy An	8A3	30.000	1	30.000	
89	Nguyễn Vũ Hồng Anh	8A3	30.000	1	30.000	
90	Trần Văn Bảo	8A3	30.000	1	30.000	
91	Võ Ngọc Bảo Châu	8A3	30.000	1	30.000	
92	Hoàng Hà Trọng Dũng	8A3	30.000	1	30.000	
93	Huỳnh Đông Duy	8A3	30.000	1	30.000	
94	Bùi Ánh Dương	8A3	30.000	1	30.000	
95	Nguyễn Anh Hào	8A3	30.000	1	30.000	
96	Thái Anh Hào	8A3	30.000	1	30.000	
97	Trần Thu Hằng	8A3	30.000	1	30.000	
98	Lý Kim Huệ	8A3	30.000	1	30.000	
99	Văn Phú Huy	8A3	30.000	1	30.000	
100	Mã Thế Khải	8A3	30.000	1	30.000	
101	Trần Tuấn Khang	8A3	30.000	1	30.000	
102	Nguyễn Dương Anh Khoa	8A3	30.000	1	30.000	
103	Nguyễn Trần Đăng Khoa	8A3	30.000	1	30.000	
104	Võ Quốc Kiệt	8A3	30.000	1	30.000	
105	Nguyễn Gia Lạc	8A3	30.000	1	30.000	
106	Đỗ Phạm Pha Lê	8A3	30.000	1	30.000	
107	Lê Trần Diễm Mí	8A3	30.000	1	30.000	
108	Nguyễn Thị Kim Ngân	8A3	30.000	1	30.000	
109	Nguyễn Hoàng Nhân	8A3	30.000	1	30.000	
110	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	8A3	30.000	1	30.000	
111	Lê Minh Phú	8A3	30.000	1	30.000	
112	Trần Hùng Phúc	8A3	30.000	1	30.000	
113	Nguyễn Thị Hà Phương	8A3	30.000	1	30.000	
114	Trần Võ Quốc Quân	8A3	30.000	1	30.000	
115	Lương Tấn Thành	8A3	30.000	1	30.000	
116	Trương Thanh Thảo	8A3	30.000	1	30.000	
117	Nguyễn Văn Thiện	8A3	30.000	1	30.000	
118	Phạm Thị Minh Thư	8A3	30.000	1	30.000	
119	Phan Minh Thư	8A3	30.000	1	30.000	
120	Lê Lưu Thủy Tiên	8A3	30.000	1	30.000	
121	Phạm Quốc Toàn	8A3	30.000	1	30.000	
122	Phạm Hoàng Yên Trang	8A3	30.000	1	30.000	
123	Trần Hồng Trân	8A3	30.000	1	30.000	
124	Nguyễn Võ Tố Trinh	8A3	30.000	1	30.000	
125	Nguyễn Lam Trường	8A3	30.000	1	30.000	
126	Phan Anh Tuấn	8A3	30.000	1	30.000	
127	Nguyễn Lê Quang Vinh	8A3	30.000	1	30.000	
128	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8A3	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
129	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8A3	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 8 (129 hs)				3.870.000	
1	Trịnh Văn Ái	9A1	30.000	1	30.000	
2	Trần Ngọc Bảo Anh	9A1	30.000	1	30.000	
3	Lê Gia Bảo	9A1	30.000	1	30.000	
4	Nguyễn Thị Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
5	Trần Hoàng Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
6	Huỳnh Trọng Duy	9A1	30.000	1	30.000	
7	Bùi Phúc Đại	9A1	30.000	1	30.000	
8	Phùng Nguyễn Kim Đào	9A1	30.000	1	30.000	
9	Phạm Tấn Đạt	9A1	30.000	1	30.000	
10	Đình Công Đức	9A1	30.000	1	30.000	
11	Võ Ngọc Hương Giang	9A1	30.000	1	30.000	
12	Nguyễn Thị Hạ	9A1	30.000	1	30.000	
13	Võ Nguyễn Gia Hân	9A1	30.000	1	30.000	
14	Nguyễn Bá Hiệp	9A1	30.000	1	30.000	
15	Đỗ Đông Hồ	9A1	30.000	1	30.000	
16	Nguyễn Minh Huy	9A1	30.000	1	30.000	
17	Lê Kỳ Bảo Khang	9A1	30.000	1	30.000	
18	Phạm Đặng Phúc Khương	9A1	30.000	1	30.000	
19	Nguyễn Võ Chang Kun	9A1	30.000	1	30.000	
20	Trần Ngọc Liễu	9A1	30.000	1	30.000	
21	Hà Đình Lương	9A1	30.000	1	30.000	
22	Phạm Nguyễn Thảo Ly	9A1	30.000	1	30.000	
23	Trần Phụng Mi	9A1	30.000	1	30.000	
24	Phan Nguyễn Hoàng Minh	9A1	30.000	1	30.000	
25	Lê Ngọc Kiều My	9A1	30.000	1	30.000	
26	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9A1	30.000	1	30.000	
27	Võ Minh Nghĩa	9A1	30.000	1	30.000	
28	Huỳnh Thị Phương Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
29	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
30	Nguyễn Ngọc Ánh Như	9A1	30.000	1	30.000	
31	Trần Dương Tấn Phát	9A1	30.000	1	30.000	
32	Nguyễn Hữu Phước	9A1	30.000	1	30.000	
33	Nguyễn Như Quỳnh	9A1	30.000	1	30.000	
34	Tô Nguyễn Thanh Tấn	9A1	30.000	1	30.000	
35	Huỳnh Gia Thiện	9A1	30.000	1	30.000	
36	Cù Thị Thư	9A1	30.000	1	30.000	
37	Nguyễn Hoàng Mỹ Thư	9A1	30.000	1	30.000	
38	Trần Lê Anh Thư	9A1	30.000	1	30.000	
39	Phạm Lê Hoài Thương	9A1	30.000	1	30.000	
40	Lê Thị Bích Trâm	9A1	30.000	1	30.000	
41	Võ Minh Trí	9A1	30.000	1	30.000	
42	Tăng Phương Trinh	9A1	30.000	1	30.000	
43	Nguyễn Ngọc Thủy Trúc	9A1	30.000	1	30.000	
44	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	9A1	30.000	1	30.000	
45	Nguyễn Anh Tuấn	9A1	30.000	1	30.000	
46	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9A1	30.000	1	30.000	
47	Ngô Quốc Việt	9A1	30.000	1	30.000	
48	Võ Nguyễn Quỳnh Anh	9A2	30.000	1	30.000	

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
49	Nguyễn Ngọc Ánh	9A2	30.000	1	30.000	
50	Lê Minh Gia Bảo	9A2	30.000	1	30.000	
51	Nguyễn Thái Bảo	9A2	30.000	1	30.000	
52	Bùi Trung Chánh	9A2	30.000	1	30.000	
53	Nguyễn Tăng Thanh Duy	9A2	30.000	1	30.000	
54	Trương Lê Mộng Duy	9A2	30.000	1	30.000	
55	Nguyễn Thị Kim Duyên	9A2	30.000	1	30.000	
56	Trần Thị Xuân Đào	9A2	30.000	1	30.000	
57	Nguyễn Hoàng Minh Đức	9A2	30.000	1	30.000	
58	Nguyễn Hằng Hân	9A2	30.000	1	30.000	
59	Nguyễn Võ Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
60	Võ Thị Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
61	Nguyễn Minh Hiếu	9A2	30.000	1	30.000	
62	Trần Gia Huy	9A2	30.000	1	30.000	
63	Trương Đăng Huy	9A2	30.000	1	30.000	
64	Nguyễn Chí Khanh	9A2	30.000	1	30.000	
65	Hồ Đăng Khoa	9A2	30.000	1	30.000	
66	Trần Phú Khương	9A2	30.000	1	30.000	
67	Lê Thị Ngọc Linh	9A2	30.000	1	30.000	
68	Lâm Phi Long	9A2	30.000	1	30.000	
69	Trương Văn Minh	9A2	30.000	1	30.000	
70	Phạm Thị Hồng Ngân	9A2	30.000	1	30.000	
71	Nguyễn Lý Khôi Nguyên	9A2	30.000	1	30.000	
72	Lê Ngọc Kiều Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
73	Nguyễn Kim Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
74	Trần Thị Quỳnh Như	9A2	30.000	1	30.000	
75	Phan Đặng Kiều Oanh	9A2	30.000	1	30.000	
76	Võ Hoàng Phúc	9A2	30.000	1	30.000	
77	Nguyễn Minh Phụng	9A2	30.000	1	30.000	
78	Nguyễn Hoàng Sơn	9A2	30.000	1	30.000	
79	Lê Hoàng Tiến Thành	9A2	30.000	1	30.000	
80	Lê Như Thảo	9A2	30.000	1	30.000	
81	Nguyễn Lê Minh Thư	9A2	30.000	1	30.000	
82	Huỳnh Thương	9A2	30.000	1	30.000	
83	Hoàng Ngọc Bảo Thy	9A2	30.000	1	30.000	
84	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
85	Trần Thủy Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
86	Huỳnh Trọng Tín	9A2	30.000	1	30.000	
87	Trần Trung Tính	9A2	30.000	1	30.000	
88	Trần Huyền Trân	9A2	30.000	1	30.000	
89	Phùng Nguyễn Kim Trúc	9A2	30.000	1	30.000	
90	Phan Cẩm Tú	9A2	30.000	1	30.000	
91	Nguyễn Thanh Tuấn	9A2	30.000	1	30.000	
92	Nguyễn Hà Văn	9A2	30.000	1	30.000	
93	Ngô Phương Thảo Vy	9A2	30.000	1	30.000	
94	Nguyễn Minh Cảnh	9A3	30.000	1	30.000	
95	Phan Ngọc Minh Châu	9A3	30.000	1	30.000	
96	Trần Nguyễn Lan Chi	9A3	30.000	1	30.000	
97	Trần Mạnh Dũng	9A3	30.000	1	30.000	
98	Nguyễn Thành Đạt	9A3	30.000	1	30.000	

HỒ CHÍ MINH
 NHÂN DÂN

STT	TÊN HỌC SINH	Lớp	Mức học phí (đ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí (Đồng)	Ghi chú
99	Dương Phạm Quỳnh Giang	9A3	30.000	1	30.000	
100	Ngô Huỳnh Hoàng Giang	9A3	30.000	1	30.000	
101	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà	9A3	30.000	1	30.000	
102	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	9A3	30.000	1	30.000	
103	Bùi Mai Xuân Hiếu	9A3	30.000	1	30.000	
104	Huỳnh Gia Huy	9A3	30.000	1	30.000	
105	Phan Văn Khải	9A3	30.000	1	30.000	
106	Võ Bảo Khanh	9A3	30.000	1	30.000	
107	Lê Trần Anh Khoa	9A3	30.000	1	30.000	
108	Cao Anh Kiệt	9A3	30.000	1	30.000	
109	Phan Thị Thu Kiều	9A3	30.000	1	30.000	
110	Mai Nguyễn Khánh Linh	9A3	30.000	1	30.000	
111	Trần Khánh Ly	9A3	30.000	1	30.000	
112	Nguyễn Công Minh	9A3	30.000	1	30.000	
113	Trần Nguyễn Hoài Nam	9A3	30.000	1	30.000	
114	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	9A3	30.000	1	30.000	
115	Nguyễn Thị Xuân Nghĩa	9A3	30.000	1	30.000	
116	Dương Thành Nhân	9A3	30.000	1	30.000	
117	Nguyễn Lê Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
118	Nguyễn Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
119	Nguyễn Gia Phúc	9A3	30.000	1	30.000	
120	Vũ Mai Phương	9A3	30.000	1	30.000	
121	Hà Văn Sang	9A3	30.000	1	30.000	
122	Lê Thành Tài	9A3	30.000	1	30.000	
123	Nguyễn Thanh Thảo	9A3	30.000	1	30.000	
124	Nguyễn Hoàng Thời	9A3	30.000	1	30.000	
125	Bùi Minh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
126	Nguyễn Ngọc Anh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
127	Phạm Thị Thu Trang	9A3	30.000	1	30.000	
128	Đặng Ái Trâm	9A3	30.000	1	30.000	
129	Nguyễn Minh Trí	9A3	30.000	1	30.000	
130	Lê Thanh Trúc	9A3	30.000	1	30.000	
131	Trần Đức Trung	9A3	30.000	1	30.000	
132	Trần Minh Tuấn	9A3	30.000	1	30.000	
133	Trần Thị Bích Tuyền	9A3	30.000	1	30.000	
134	Nguyễn Quốc Việt	9A3	30.000	1	30.000	
135	Phạm Thị Yến Vy	9A3	30.000	1	30.000	
136	Trịnh Nguyễn Thúy Vy	9A3	30.000	1	30.000	
	Cộng khối 9 (136 hs)				4.080.000	
	Tổng cộng				17.310.000	

Số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu ba trăm mười nghìn đồng

Trung Lập Hạ, ngày tháng năm 2022

Người lập bảng

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Thanh Thúy



Hồ Thị Thu Thủy